

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 18-5-2021

V/v tranh chấp dân sự - Hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**;
2. Ông **Phạm Phước Tâm**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST-DS, ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A (A Bank)**;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 201-203, Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Công ty TNHH Một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Nam A (Công ty AMC - Nam A Bank).

Địa chỉ: Lầu 3, 97 Bis Hàm Nghi, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty AMC kiêm Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Phan Toàn T – Chuyên viên xử lý nợ;

Địa chỉ: SR18-SR19 Trung tâm thương mại N, số 07, Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố N, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên lạc: Số 97 Bis, Hàm Nghi, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh **Đoàn Dũng N**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: khóm T, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phan Toàn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/01/2019, anh Đoàn Dũng N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh TB - PGD B theo hợp đồng tín dụng số 0045/2019/925-CV, với số tiền vay 700.000.000 đồng, mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 12,5%/năm, thay đổi 03 lần/tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1513 tờ bản đồ số 5, diện tích thế chấp 567m², loại đất: đất ở tại nông thôn tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BD 974735, cấp ngày 17/01/2019 cho anh Đoàn Dũng N.

Tổng dư nợ của khoản vay nêu trên tạm tính đến ngày 18/5/2021 là 950.471.604 đồng, trong đó: Nợ gốc là 696.111.000 đồng, nợ lãi là 254.360.604 đồng.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để anh Nguyên trả nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các nội dung sau:

1/. Buộc anh Đoàn Dũng N trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/5/2021 là 950.471.604 đồng (trong đó nợ gốc là 696.111.000 đồng, nợ lãi là 254.360.604 đồng). Trong thời gian chưa thanh toán nợ, anh N vẫn phải chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

2/. Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh N vẫn không trả nợ thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử

lý tài sản bảo đảm đã nêu rõ trong phần nội dung tranh chấp để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của anh N đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Anh Đoàn Dũng N là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, anh N cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP A cung cấp:

1. Bản phô tô Hợp đồng thế chấp tài sản số 0040/2019/925-BD ngày 18/01/2019 được chứng thực tại văn phòng công chứng H công chứng số 284, quyển số 01/2019-TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Bản phô tô Giấy chứng nhận số BD 974735 thửa 1513 tờ bản đồ số 5, diện tích 567m² tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An do Đoàn Dũng N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bản phô tô Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0045/2019/925-CV ngày 18/01/2019 bên cấp tín dụng Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh TĐ – Phòng giao dịch B; bên được cấp tín dụng Đoàn Dũng N.

4. Bản phô tô Giấy nhận nợ số 01/GNN-0045/2019/925-CV ngày 21/01/2019.

5. Bản phô tô Phụ lục C1 – Lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0045/2019/925-CV ngày 18/01/2019.

6. Bản phô tô Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 18/01/2019.

7. Giấy CMND Đoàn Dũng N + Sổ hộ khẩu Đoàn Hồng S (Bản photo).

8. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm nhân sự số 49/2020/QĐQT-NHNA ngày 17/02/2020.

9. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm nhân sự số 400/2020/QĐQT-NHNA ngày 11/8/2020.

10. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Mã số doanh nghiệp 0304691951 Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP A.

11. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Mã số doanh nghiệp 0300872315 Ngân hàng TMCP A.

12. Bản phô tô Bảng kê chiết tính các khoản nợ gốc, nợ lãi ngày 14/5/2021.

Các tài liệu chứng cứ đã được công khai trong phiên họp giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và đã thông báo cho bị đơn được biết nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật: Ngân hàng yêu cầu anh N có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại khóm T, thị trấn MT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng, yêu cầu anh N trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày 18/5/2021 là 950.471.604 đồng (trong đó nợ vốn là 696.111.000 đồng, nợ lãi là 254.360.604 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/5/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0045/2019/925-CV ngày 18/01/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng có đủ chứng cứ chứng minh ngày 18/01/2019, Ngân hàng với anh N có ký hợp đồng tín dụng số 0045/2019/925-CV. Nội dung hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay và Ngân hàng đã chuyển số tiền vay cho phía anh N theo giấy nhận nợ số 01/GNN-0045/2019/925-CV ngày 21/01/2019. Do đó, hợp đồng mà 02 bên thỏa thuận ký kết là có thật. Từ ngày 20/3/2019 đến nay thì phía anh N không thanh toán đầy đủ vốn và lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, phía anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không phản đối những tình tiết, yêu cầu mà phía Ngân hàng cung cấp. Anh N không tham gia phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ, hòa giải và phiên tòa để trình bày ý kiến nên những chứng cứ, yêu cầu của Ngân hàng thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phía anh N trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 950.471.604 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 18/5/2021 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về hợp đồng thế chấp, cụ thể: Anh N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp và tài sản khác để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp số 0040/2019/925-BĐ ngày 18/01/2019 ghi nhận anh N đảm bảo khoản tiền vay là Quyền sử dụng đất thửa 1513 tờ bản đồ số 5, diện tích 567m², loại đất: đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BD 974735, cấp ngày 17/01/2019 cho anh Đoàn Dũng N để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp do Ngân hàng cung cấp được ghi rõ nội dung xử lý tài sản khi bên vay vi phạm nghĩa vụ. Việc thỏa thuận này là tự nguyện và không thuộc điều cấm của pháp luật.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh nên Hợp đồng số 0040/2019/925-BĐ ngày 18/01/2019 có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP A.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Anh N phải chịu án phí sơ thẩm là 40.514.000 đồng;

Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 19.340.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0012180 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc anh Đoàn Dũng N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 950.471.604 (chín trăm năm mươi triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm lẻ bốn) đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/5/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0045/2019/925-CV ngày 18/01/2019.

Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A, nếu anh Đoàn Dũng N trả hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0040/2019/925-BĐ ngày 18/01/2019.

Khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A, nếu anh Đoàn Dũng N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp và tài sản khác (nếu có) để thu hồi nợ, cụ thể là Quyền sử dụng đất thửa 1513 tờ bản đồ số 5, diện tích 567m², loại đất: đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BD 974735, cấp ngày 17/01/2019 cho anh Đoàn Dũng N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Đoàn Dũng N chịu án phí dân sự sơ thẩm 40.514.000 (bốn mươi triệu năm trăm mười bốn nghìn) đồng;

- Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.340.000 (Mười chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số BI/2019/0012180 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô